TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-10-2018
V/v "ly hôn và tranh chấp hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Hồng.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Lô;

2/ Ông Võ Văn Thủ;

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ.

- Đại diện Viện sát nhân dân huyện Tân Trụ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An; Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2018, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 9 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Huỳnh H**, sinh năm: 1978.
Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An.
2. Bị đơn: **Ông Trần K**, sinh năm: 1978.
Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện, tỉnh Long An.
3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
3.1. Bà Trần T, sinh năm: 1962;
Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An;

3.2. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh C, Long An;

Đại diện theo ủy quyền: **Ông Nguyễn T** – chức vụ: Phó Giám đốc.

Địa chỉ: ấp 6, xã N, huyện T, tỉnh Long An;

3.3. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện T;

Đại diện theo ủy quyền: **Ông Nguyễn T** – chức vụ: Phó giám đốc.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An

(Bà Ha, ông T, ông T có mặt; Bà T có đơn xin vắng mặt; Ông K vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn, bà Huỳnh H trình bày như sau:

Do quen biết và được sự đồng ý của gia đình hai bên nên năm 2010 bà và ông K có tổ chức lễ cưới, sau đó đăng ký kết hôn và được UBND xã A, huyện H, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/12/2010.

Sau khi cưới vợ chồng sinh sống bên gia đình vợ tại ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K nghiện chơi game không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xảy ra cự cãi, ông K có đánh bà. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần K.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Huỳnh Y, sinh ngày 26/3/2011, hiện đang sống với ông K. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Y và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả: Vợ chồng có nợ Ngân hành nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh C, Long An số tiền 110.000.000đ. Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – phòng giao dịch huyện T số tiền 44.000.000đ và nợ bà Trần T số tiền 40.000.000đ. Khi ly hôn bà đồng ý cùng ông K liên đới trả nợ cho hai ngân hàng trong thời hạn 02 tháng.

Bị đơn, ông Trần K tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nhưng tại phiên hòa giải ngày 20/3/2018 có ý kiến trình bày: Ông K thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian cưới nhau, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm vợ chồng ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H có quen biết người

đàn ông khác bên ngoài, không chung thủy trong đời sống vợ chồng. Ông K thừa nhận mình có chơi game, nhưng hiện tại đã bỏ không chơi nữa. Lý do ông đánh bà H là do bà H có những lời lẽ xúc phạm ông, do nóng tính nên ông có đánh bà H. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông K không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ con, ông mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con.

Về nuôi con chung: Ông K thống nhất với bà H, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Y, sinh ngày 26/3/2011. Hiện cháu Y đang sống cùng ông, nếu ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu Y, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Ông thừa nhận vợ chồng có nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh C số tiền 110.000.000đ và nợ bà Trần T số tiền 40.000.000đ. Khi ly hôn ông đồng ý chia đôi số nợ này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần T có đơn xin vắng mặt, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2018 bà T có ý kiến như sau: Bà là dì của bà H, vào năm 2016 bà có cho bà H mượn số tiền 40.000.000đ, không lấy lãi, mục đích là để bà H xây nhà. Nay bà H và ông K ly hôn bà không yêu cầu bà H và ông K trả số tiền này. Nếu sau này bà H và ông K không trả bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh C – đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn T trình bày: Bà Huỳnh H có vay của Ngân hàng số tiền 110.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 6617LAV201800079 ngày 12/01/2018, thời hạn vay là 13 tháng, lãi suất vay là 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150%/năm lãi suất vay, mục đích vay là chăn nuôi bò. Nay bà H và ông K ly hôn để đảm bảo cho việc thu hồi nợ, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh C yêu cầu bà Huỳnh H và ông Trần K phải liên đới trả số tiền vốn vay là 110.000.000đ và 10.053.699đ tiền lãi, tổng cộng là 120.053.699đ, hời hạn trả là 02 tháng kể từ ngày xét xử.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch T - Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn T trình bày: Ngày 06/6/2013 Ngân hàng có cho bà Huỳnh H (người thừa kế là ông Trần K) vay số tiền 8.000.000đ theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Hạn cuối trả nợ là ngày 06/6/2016, nhưng đến ngày 20/8/2018 bà H và ông K chỉ trả được 4.000.000đ và 160.000đ tiền lãi. Ngày 06/8/2017 Ngân hàng có cho bà H và ông K vay số tiền 40.000.000đ, theo chương trình hộ mới thoát

nghèo. Hạn trả nợ chia thành 02 kỳ. Kỳ đầu phải trả nợ là ngày 06/8/2018 với số tiền 20.000.000đ, kỳ sau phải trả nợ là ngày 06/8/2019 với số tiền 20.000.000đ. Hiện tại đã quá hạn trả tiền kỳ đầu nhưng bà H và ông K không thực hiện, nay bà H và ông K ly hôn để đảm bảo cho việc thu hồi nợ, ngân hàng yêu cầu bà H và ông K liên đới trả số tiền vốn vay còn thiếu là 44.000.000đ và 1.640.000đ tiền lãi, tổng cộng 45.640.000đ, thời hạn trả là 02 tháng kể từ ngày xét xử.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An phát biểu: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, tuy nhiên thời gian thụ lý chưa đúng quy định, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự là đúng. Thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân gia đình và Điều 466 BLDS đề nghị cho bà Huỳnh H được ly hôn với ông Trần K. Về con chung: ông K được nuôi con chung và bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung: buộc bà H và ông K phải liên đới trả cho ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh C số tiền vốn vay là 110.000.000đ và 10.053.699đ tiền lãi, tổng cộng 120.053.699đ; Trả cho ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch T số tiền vốn 44.000.000đ và 1.640.000đ tiền lãi, tổng cộng 45.640.000đ. Đối với số tiền nợ bà T do bà T không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên cũng không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh H yêu cầu ly hôn với ông Trần K là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn, ông Trần K đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Huỳnh H và ông Trần K xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Bà H yêu cầu được ly hôn với ông K vì cho rằng ông K nghiện chơi game và không còn quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã đã ly thân nhau hơn 01 năm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ đã tiến hành các thủ tục về cấp tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về phiên hòa giải, xét xử nhưng ông K đều vắng mặt không có lý do và chỉ có tham gia hòa giải một lần, điều này chứng tỏ ông K không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông K lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H yêu cầu được ly hôn là có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Y, sinh ngày 26/3/2011. Xét, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì cháu Y sống với ông K. Để ổn định tình cảm và sinh hoạt cho cháu cần duy trì việc nuôi dưỡng này và cháu Y cũng có nguyện vọng được sống với ông K. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Y cho ông K nuôi dưỡng. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con do ông K không yêu cầu.

[5] Về chia tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án cũng không đặt ra xem xét.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Trần T không yêu cầu ông K và bà H trả số nợ 40.000.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh C yêu cầu ông K và bà H phải liên đới trả số tiền vốn vay 110.000.000đ và 10.053.699đ tiền lãi, tổng cộng 120.053.699đ, thời hạn trả là 02 tháng kể từ ngày xét xử, bà H và ông K đều đồng ý trả số tiền vốn vay và tiền lãi, tại phiên tòa bà H cũng đồng ý với thời hạn mà ngân hàng yêu cầu. Ngân hành chính sách xã hội huyện T yêu cầu bà H và ông K liên đới trả số nợ vốn vay 44.000.000đ và lãi 1.640.000đ, tổng cộng 45.640.000đ, thời hạn trả 02 tháng kể từ ngày xét xử. Bà H cũng đồng ý liên đới cùng ông K trả số tiền vốn và lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch T trong thời hạn 02 tháng. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử xét cần xem xét chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Huỳnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định. Bà Huỳnh H và ông Trần K phải liên đới chịu án phí trên số tiền trả

cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh C và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam –phòng giao dịch T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; 147; 227 ; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh H về việc yêu cầu ly hôn với ông Trần K. Bà Huỳnh H được ly hôn với ông Trần K.

2/ Về con chung: Ông Trần K được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Y, sinh ngày 26/3/2011. Bà Huỳnh H không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng được quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về nghĩa vụ trả nợ:

- Ông Trần K và bà Huỳnh H phải liên đới trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh C số tiền vốn vay 110.000.000đ và 10.053.699đ tiền lãi, tổng cộng 120.053.699đ. Thời gian thi hành đến ngày 17/12/2018 phải hoàn tất số nợ. Ngoài ra, ông K và bà H còn phải liên đới tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh C theo lãi suất do các bên thỏa thuận theo sổ vay vốn và phương án sử dụng vốn vay ngày 12/01/2018 được hai bên ký kết trên số tiền vốn vay chưa thanh toán tính từ ngày 18/10/2018 cho đến khi hoàn trả số tiền vốn vay.

- Ông Trần K và bà Huỳnh H phải liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch T số tiền vốn vay 44.000.000đ và lãi 1.640.000đ, tổng cộng 45.640.000đ. Thời gian thi hành đến ngày 17/12/2018 phải hoàn tất số nợ. Ngoài ra ông K và bà H còn phải liên đới tiếp tục trả tiền lãi theo lãi suất do các bên thỏa thuận theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử

dụng vốn vay ngày 18/5/2013 và ngày 24/7/2017 được hai bên ký kết trên số tiền vốn vay chưa thanh toán tính từ ngày 18/10/2018 cho đến khi trả xong tiền vốn vay.

4/ Về án phí:

- Bà Huỳnh Ha phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 06287, ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ.

- Bà Huỳnh H và ông Trần K phải liên đới nộp 8.284.685đ (Tám triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng) án phí trên số tiền phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh C và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch T.

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh C và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – phòng giao dịch huyện T không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.932.000đ (Hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo biên lai số 06464, ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ.

Nguyên đơn, có mặt, được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/10/2018). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CC THA DS huyện Tân Trụ;
- UBND xã A,
huyện H, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu, AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thúy Hồng